

Số: 25/2024/QĐST-HNGĐ

Bắc Yên, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc tranh chấp nợ chung vợ chồng sau ly hôn.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị K, sinh năm 1986. Địa chỉ: Tiểu khu A, thị trấn B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Anh Cầm Văn Q, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu A1, thị trấn B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Minh d, sinh năm 1968. Địa chỉ: Tiểu khu A1, thị trấn B, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

- Ông Đinh Trung T, sinh năm 1967. Địa chỉ: Bản A2, xã B1, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Ông Đinh Công S, sinh năm 1972. Địa chỉ: Bản A3, xã B2, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

- Ngân hàng thương mại cổ phần L (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần L1). Địa chỉ: Tòa nhà A4, A5, quận B3, thành phố Hà Nội;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nội dung:

Anh Chăm Văn Q và chị Lò Thị K có trách nhiệm cùng nhau thanh toán các khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân như sau:

+ Thanh toán cho ông Hoàng Minh D số tiền nợ gốc và lãi là 11.000.000VNĐ (Mười một triệu đồng) theo hợp đồng vay tiền ngày 10/8/2020.

+ Thanh toán cho ông Đinh Công S số tiền nợ gốc là 35.000.000VNĐ (Ba mươi lăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 20/7/2018.

+ Thanh toán cho ông Đinh Trung T tổng số tiền nợ gốc là 55.000.000VNĐ (Năm mươi lăm triệu đồng) theo giấy vay tiền ngày 10/8/2020.

+ Thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần L (Ngân hàng thương mại cổ phần L1) tổng số tiền nợ gốc, nợ lãi quá hạn, phạt nợ gốc quá hạn, phạt nợ lãi quá hạn là 161.572.648VNĐ (Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi tám đồng) theo thông báo nợ quá hạn số 351 ngày 07/8/2024.

Trách nhiệm trả nợ phân chia cụ thể như sau :

Chị Lò Thị K có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần L là 80.786.324VNĐ (tám mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng) ; trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ ông Hoàng Minh D là 5.500.000VNĐ (năm triệu năm trăm nghìn đồng); trả số tiền nợ ông Đinh Trung T là 45.000.000VNĐ (bốn mươi lăm triệu đồng); trả số tiền nợ ông Đinh Công S là 30.000.000VNĐ (ba mươi triệu đồng).

Anh Chăm Văn Q có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ đối với Ngân hàng thương mại cổ phần L là 80.786.324VNĐ (tám mươi triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi bốn đồng) ; trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ ông Hoàng Minh D là 5.500.000VNĐ (năm triệu năm trăm nghìn đồng); trả số tiền nợ ông Đinh Trung T là 10.000.000VNĐ (mười triệu đồng); trả số tiền nợ ông Đinh Công S là 5.000.000VNĐ (năm triệu đồng).

Trường hợp anh Chăm Văn Q và chị Lò Thị K không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền theo thỏa thuận trên cho ông Hoàng Minh D, ông Đinh Công S, ông Trung T, Ngân hàng thương mại cổ phần L thì ông Hoàng Minh D, ông Đinh Công S, ông Trung T, Ngân hàng thương mại cổ phần L có quyền yêu cầu thi hành án theo luật thi hành án dân sự. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của của ông Hoàng Minh D, ông Đinh Công S, ông Trung T, Ngân hàng thương mại

cổ phần L thì anh Q, chị K phải chịu lãi suất chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2.2. Về án phí:

Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên chịu $\frac{1}{2}$ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn chị Lò Thị K phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.282.000VNĐ (*Ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.806.000VNĐ (*Bốn triệu tám trăm linh sáu nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000631 ngày 31 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; chị K được nhận lại 1.524.000VNĐ (*Một triệu năm trăm hai mươi tư nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

Bị đơn anh Cầm Văn Q phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 3.282.000VNĐ (*Ba triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên;
- Chi cục THADS huyện Bắc Yên;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy